

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG
Thôn An Lạc – Xã Trung Trắc - Huyện Văn
Lâm - Tỉnh Hưng Yên

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 001 / TCKT

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu giữa BCTC 6
tháng năm 2018 của đơn vị lập và BCTC kiểm toán

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần tập đoàn Thiên Quang

Trụ sở chính: Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221.3997185

Fax: 0221.3980908

Mã chứng khoán: ITQ

Trước hết, Công ty cổ phần tập đoàn Thiên Quang xin chân thành cảm ơn sự Quan tâm và giúp đỡ của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các Quý cơ quan trong thời gian tới.

Công ty Cổ phần tập đoàn Thiên Quang xin giải trình với Quý Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về một vài số liệu thay đổi của Báo cáo tài chính bán niên năm 2018 do đơn vị lập và Báo cáo tài chính sau khi kiểm toán như sau:

1. Trên Bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu thay đổi	Mã chỉ tiêu	Số liệu trên Bảng CĐKT do đơn vị lập	Số liệu trên Bảng CĐKT sau khi được soát xét	Chênh lệch
TÀI SẢN		435.085.870.236	431.321.870.236	3.764.000.000
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	354.521.801.228	349.223.145.033	5.298.656.195
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.417.937.800	4.417.937.800	0
Các khoản tương đương tiền	112	4.417.937.800	4.417.937.800	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10.000.000.000	10.000.000.000	0
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10.000.000.000	10.000.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	158.825.922.734	155.061.922.734	3.764.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	131	3.931.948.974	3.931.948.974	0
IV. Hàng tồn kho	140	173.483.099.338	173.483.099.338	0
Hàng tồn kho	141	173.483.099.338	173.483.099.338	0

V. Tài sản ngắn hạn khác	150	3.334.936.659	1.800.280.464	1.534.656.195
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.171.606.012	636.949.817	1.534.656.195
Thuế GTGT được khấu trừ	152	1.163.330.647	1.163.330.647	0
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	80.564.069.008	82.098.725.203	-1.534.656.195
1. Tài sản cố định hữu hình	221	74.028.166.591	74.028.166.591	
Giá trị hao mòn lũy kế	223	-41.638.290.975	-41.638.290.975	
2. Tài sản cố định vô hình	227	6.804.627.900	6.804.627.900	
Giá trị hao mòn lũy kế	229	-337.018.900	-337.018.900	0
V. Tài sản dài hạn khác	260	1.700.794.135	3.235.450.330	-1.534.656.195
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.700.794.135	3.235.450.330	-1.534.656.195
NGUỒN VỐN		435.085.870.236	431.321.870.236	3.764.000.000
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	178.935.212.329	175.171.212.329	3.764.000.000
I. Nợ ngắn hạn	310	178.935.212.329	175.171.212.329	3.764.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	311	79.632.148.243	79.632.148.243	0
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.131.543.470	367.543.470	3.764.000.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	1.422.544.462	1.422.544.462	0
Phải trả người lao động	314	834.239.465	834.239.465	0
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	0	87.432.671	-87.432.671
Phải trả ngắn hạn khác	319	567.942.077	480.509.406	87.432.671
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	92.236.580.198	92.236.580.198	0
Nợ dài hạn	330			
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	256.150.657.907	256.150.657.907	0
I. Vốn chủ sở hữu	410	238.433.050.000	238.433.050.000	0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	13.708.534.841	13.708.534.841	0
LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a	8.694.627.777	8.694.627.777	0
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.013.907.064	5.013.907.064	0

Nguyên nhân:

- Các khoản phải thu ngắn hạn (chỉ tiêu 130) và Người mua trả tiền trước ngắn hạn (chỉ tiêu 312) cùng chênh lệch 3.764.000.000 đồng là do khi lên báo cáo kiểm toán đã bù trừ giữa khoản phải thu và khoản ứng trước của cùng một đối tượng khách hàng.

- Chi phí trả trước ngắn hạn (chi tiêu 151) và chi phí trả trước dài hạn (chi tiêu 261) chênh lệch 1.534.656.195 đồng do kiểm toán phân loại lại khoản chi phí trả trước từ ngắn hạn sang dài hạn.
- Chi phí phải trả ngắn hạn (chi tiêu 315) và Phải trả ngắn hạn khác (chi tiêu 319) chênh lệch 87.432.671 đồng do kiểm toán lên báo cáo khác chi tiêu với đơn vị cho cùng một nội dung.

2. Trên Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu thay đổi	Mã chi tiêu	Số liệu trên Bảng KQKD do đơn vị lập	Số liệu trên Bảng KQKD sau khi được soát xét	Chênh lệch
Doanh thu hoạt động TC	21	615.203.815	529.727.133	85.476.682
Chi phí tài chính	22	4.412.750.405	4.327.273.723	85.476.682
Thu nhập khác	31	736.161.984	236.161.984	500.000.000
Chi phí khác	32	508.283.898	8.283.898	500.000.000

Nguyên nhân:

Doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí tài chính cùng chênh lệch 85.476.682 đ do khi lập BC Kiểm toán đã bù trừ phần phát sinh giữa doanh thu và chi phí của nghiệp vụ đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái, chi phản ánh số dư trên báo cáo.

Thu nhập khác và chi phí khác cùng chênh lệch số tiền 500.000.000 đồng do khi lập BC Kiểm toán đã bù trừ phần giá trị thanh lý tài sản cố định.

Trên đây là giải trình của công ty chúng tôi về một vài chi tiêu thay đổi tại Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 do đơn vị lập và Báo cáo tài chính kiểm toán 6 tháng đầu năm 2018 do đơn vị kiểm toán phát hành.

Công ty cổ phần tập đoàn Thiên Quang báo cáo với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP, TCKT

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quảng